TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆNPHƯỚC LONG** **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 15 – 10 – 2019
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC LONG – TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Yến Ly**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Danh Hưởng**

2. Ông **Phan Văn Chiếu**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Danh Văn An** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu *tham gia phiên tòa:* Bà **Lý Thị Nhiên** – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 10 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phước Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 221/2019/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2019 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 215/2019/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Thạch Thị D,** sinh năm 1988; Địa chỉ: ấp 1, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh. *(Có mặt)*

2. Bị đơn: Anh **Trịnh Văn P,** sinh năm 1984**;** Địa chỉ: ấp B, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu. *(Có mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện ngày 30 tháng 7 năm 2019, lời khai có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Thạch Thị D trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh P tự nguyện sống chung từ năm 2011, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Phú Tây và được

cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 26/12/2011. Vợ chồng chị đã ly thân từ khoảng tháng 5/2019 đến nay do vợ chồng sống chung không hợp nhau. Nay tôi yêu cầu được ly hôn với anh P.

Về con chung: Chị và anh P có 01 người con chung là Trịnh Thị Ái M, sinh ngày 05/4/2016, hiện đang sống với chị. Chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung và yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Về tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Theo lời khai có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa bị đơn anh Trịnh Văn P trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân: Anh thống nhất thời gian sống chung, đăng ký kết hôn và ly thân như D trình bày. Nay D yêu cầu ly hôn thì anh không đồng ý ly hôn vì con anh còn nhỏ nên anh muốn vợ chồng anh hàn gắn hôn nhân để cùng lo cho con. Tại phiên tòa, anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị D.

Về con chung: Anh và chị D có 01 người con chung như D trình bày là đúng. Nếu ly hôn anh đồng ý giao cho D tiếp tục nuôi con chung và anh đồng ý cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật, anh được quyền thăm con. Tại phiên tòa, anh không đồng ý giao con cho chị D nuôi, anh yêu cầu được nuôi con chung. Nếu Tòa án giao con chung cho chị D nuôi thì anh đồng ý cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Về tài sản: Anh thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long phát biểu ý kiến:***

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự; Đối với đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng.

- Về nội dung vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: xét thấy chị D và anh P có đăng ký kết hôn theo quy định nên hôn nhân giữa chị D và anh P là hợp pháp. Căn cứ theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu của chị D được ly hôn với anh P.

+ Về con chung: Xét thấy từ khi sinh cho đến khi chị D và anh P ly thân cháu M sống với chị D, hiện cháu M phát triển bình thường, do đó căn cứ Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: Giao cháu Trịnh Thị Ái M, sinh ngày 05/4/2016 cho chị D được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng: Anh P đồng ý cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận: Anh P có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu Trịnh Thị

Ái M, sinh ngày 05/4/2016 với mức cấp dưỡng 745.000đ/tháng cho đến khi cháu M tròn 18 tuổi.

+ Về tài sản: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng: Chị D khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh P, đây là tranh chấp ly hôn, anh P đang cư trú trên địa bàn huyện Phước Long nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án nhân dân huyện Phước Long thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị D và anh P tự nguyện sống chung từ năm 2011 và có đăng ký kết hôn đúng theo quy định. Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị D và anh P là hôn nhân hợp pháp, tuy nhiên chị D và anh P đã ly thân từ khoảng tháng 5/2019 đến nay nhưng hai bên không có hành động gì để hàn gắn quan hệ hôn nhân, trong khi đó việc hai bên đã ly thân là thực tế có xảy ra. Xét thấy theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình thì vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau nhưng chị D và anh P không sống chung với nhau trong một thời gian dài mà hai bên không có hành động gì để hàn gắn quan hệ hôn nhân. Mặt khác tại phiên tòa, chị D yêu cầu ly hôn, anh P cũng đồng ý ly hôn. Từ đó cho thấy hôn nhân của chị D và anh P đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ theo Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị D được ly hôn với anh P.

[4] Về con chung: Chị D và anh P thống nhất có 01 người con chung hiện đang sống với chị D. Tại phiên tòa, anh P không đồng ý giao cháu M cho chị D tiếp tục nuôi dưỡng. Xét thấy, từ lúc sinh ra cho đến nay cũng như trong thời gian ly thân cháu M sống cùng với chị D, anh P thì sống tại nhà cha mẹ anh P, thỉnh thoảng mới về thăm chị D và con. Do đó, cháu M đã quen với lối sống, sinh hoạt cùng với chị D và hiện cháu M vẫn phát triển bình thường, chị D có đủ điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Trong khi đó anh P đang làm nghề tài xế, do yêu cầu công việc nên anh P thường xuyên không ở nhà, nếu giao cháu M cho anh P nuôi dưỡng thì sẽ không đảm bảo điều kiện để trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu M. Căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, để bảo đảm quyền lợi về mọi mặt của cháu M, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị D: Giao cháu Trịnh Thị Ái M, sinh ngày 05/4/2016 cho chị D được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[5] Về cấp dưỡng: Anh P đồng ý cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật nên căn cứ theo quy định tại Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị D: Buộc anh P có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu Trịnh Thị Ái M, sinh ngày 05/4/2016 với mức cấp dưỡng 745.000đ/tháng cho đến khi cháu M tròn 18 tuổi.

[6] Về tài sản: Chị D và anh P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[7] Từ những nhận định trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí: Chị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Anh P phải chịu án phí cấp dưỡng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Thạch Thị D được ly hôn với anh Trịnh Văn P.

2. Về con chung:

Giao cháu Trịnh Thị Ái M, sinh ngày 05/4/2016 cho chị Thạch Thị D được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh Trịnh Văn P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng: Buộc anh Trịnh Văn P có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu Trịnh Thị Ái M, sinh ngày 05/4/2016 với mức cấp dưỡng 745.000đ/tháng cho đến khi cháu M tròn 18 tuổi.

3. Về tài sản: Chị Thạch Thị D và anh Trịnh Văn P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Thạch Thị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không có giá ngạch là 300.000 đồng. Chị D đã dự nộp số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004275

ngày 30/7/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phước Long nên được chuyển sang thu án phí.

Anh Trịnh Văn P phải chịu án phí cấp dưỡng là 300.000 đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Phước Long;
- Chi cục THADS huyện Phước Long;
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Yến Ly